

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 17/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	7,006,123,000	3,994,226,116	57%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	376,000,000	12,450,301	3%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	948,000,000	537,328,933	57%
3	Thu bổ sung	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Bổ sung cân đối	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Bổ sung có mục tiêu	-		
	- Thu dự phòng			
4	Thu chuyển nguồn		744,446,882	
5	Các khoản thu từ tiền đất	750,000,000		0%
II	TỔNG SỐ CHI	7,006,132,000	2,862,361,000	41%
1	Chi đầu tư phát triển	750,000,000		0%
2	Chi thường xuyên	6,166,532,000	2,862,361,000	46%
3	Chi dự phòng	89,600,000		0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 17/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN THU NSX NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG THU	7,006,123,000	3,994,226,116	57%
I	Các khoản thu 100%	376,000,000	12,450,301	3%
	Thu phí, lệ phí	25,000,000	6,226,000	25%
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	285,000,000		0%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-		
	Thu khác	66,000,000	6,224,301	9%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,698,000,000	537,328,933	32%
1	Các khoản thu phân chia	192,000,000	70,045,010	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	107,000,000	1,167,560	1%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	45,000,000	42,200,000	94%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000,000	26,677,450	67%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,506,000,000	467,283,923	31%
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ KD	276,000,000	169,810,063	62%
	- Thuế GTGT	480,000,000	297,473,860	62%
	- Thu tiền sử dụng đất	750,000,000		0%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-		
IV	Thu chuyển nguồn		744,446,882	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-		
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương			
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Thu bổ sung cân đối	4,932,123,000	2,700,000,000	55%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-		
	- Thu dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 17/7/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2023			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG	ĐẦU TƯ PT	TX
A	B	1=2+3	2	3	3=4+5	4	5	6=3/1	7=4/2	8=5/3
	TỔNG CHI	7,006,132,000	750,000,000	6,256,132,000	2,862,361,000		2,862,361,000	41%		46%
	Trong đó				-					
1	Chi giáo dục	750,000,000	750,000,000		-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	40,000,000		40,000,000	-					0%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	35,000,000		35,000,000	11,000,000		11,000,000	31%		31%
6	Chi thể dục thể thao	-			-					
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	85,000,000		85,000,000	12,000,000		12,000,000			14%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5,476,507,000		5,476,507,000	2,637,081,000		2,637,081,000	48%		48%
10	Chi hoạt động của các đoàn thể	-			-					
11	Chi cho công tác xã hội	492,560,000		492,560,000	191,280,000		191,280,000	39%		39%
12	Chi khác	37,465,000		37,465,000	11,000,000		11,000,000	29%		29%
13	Chi trả nợ đầu tư phát triển khác	-			-					
14	Dự phòng ngân sách	89,600,000		89,600,000	-			0%		0%